

Số: 20/2023/QĐST – HN&GD

Phổ Yên, ngày 21 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/VHN&GD- ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Tuấn H, sinh năm 1994

HKTT: TDP C, phường ĐS, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1996

HKTT: TDP C, phường ĐS, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Tuấn H và chị Phạm Thị L kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã ĐS, Phổ Yên (nay là phường ĐS, thành phố Phổ Yên), Thái Nguyên vào ngày 25/8/2015, đã được UBND xã ĐS (nay là phường ĐS) cấp giấy chứng nhận kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xóm C (nay là TDP C, ĐS); Cuộc sống hoà thuận, hạnh phúc và đã sinh được 02 con chung là cháu Trần Thị Phương T, sinh năm 2016 và cháu Trần Tuấn L, sinh năm 2019.

Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ giữa năm 2021 cho đến nay, nguyên nhân do đời sống hôn nhân không hoà hợp, vợ chồng thường nảy sinh bất đồng về quan điểm sống, cách sống, nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, gây tổn thương tình cảm cho nhau. Mặc dù mâu thuẫn giữa anh chị cũng được bạn bè, gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Cuộc sống chỉ được yên ổn một thời gian ngắn, sau đó lại tiếp tục căng thẳng do ai cũng giữ quan điểm, cái tôi của mình khiến cuộc sống không có hạnh phúc, ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung. Do không còn tình cảm, không có nguyện vọng tiếp tục chung sống, anh chị đã thống nhất làm đơn đề nghị Toà án

công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng đôi bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung vợ chồng, do đó việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/4/2023 là tự nguyện, cần được chấp nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Phương T, sinh ngày 14/03/2016 và Cháu Trần Tuấn L, sinh ngày 02/10/2019. Khi ly hôn anh H, chị L đã thống nhất thỏa thuận cháu Phương T giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Tuấn L do bố trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H, chị T đều không yêu cầu cấp dưỡng vì mỗi người đều nuôi 01 con chung

3. Về tài sản chung: Anh H, chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Về các vấn đề khác: Không có.

6. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh H, chị L thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tuấn H và chị Phạm Thị L.

1.2. Về con chung: Anh Trần Tuấn H và chị Phạm Thị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Phương T, sinh ngày 14/03/2016 và Trần Tuấn L, sinh ngày 02/10/2019.

Anh H, chị L thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn như sau: Giao con chung tên Trần Thị Phương T, sinh ngày 14/03/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động (hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật); Giao con chung Trần Tuấn L, sinh ngày 02/10/2019 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động (hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật)

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho các bên cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn Anh H, chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các

bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Anh H, chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1. 4. Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

1. 5. Về các vấn đề khác: Không có.

1.6. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh H, chị L thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Anh H, chị L được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001406 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận các đương sự đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường ĐS ;
- (GCNKH: 63/2015);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hải Chiêu